

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110388	Nguyễn Thị Bảo Vy	06/04/2003	N	Hóa dược	
2	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110387	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	07/02/2003	N	Hóa dược	
3	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110386	Lư Hoàng Tuấn	05/11/2003		Hóa dược	
4	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110385	Nguyễn Phạm Xuân Trúc	18/01/2003	N	Hóa dược	
5	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110382	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	03/01/2003	N	Hóa dược	
6	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110380	Nguyễn Anh Thư	01/01/2003	N	Hóa dược	
7	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110377	Cao Phước Thắng	17/12/2002		Hóa dược	
8	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110376	Nguyễn Thị Thúy Tâm	20/06/2003	N	Hóa dược	
9	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110366	Đoàn Ngọc Khánh Ly	08/03/2003	N	Hóa dược	
10	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110364	Huỳnh Nhựt Linh	13/12/2003		Hóa dược	
11	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110362	Quách Minh Khang	25/09/2003		Hóa dược	
12	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110357	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	24/03/2003	N	Hóa dược	
13	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110356	Chung Quốc Cường	01/05/2003		Hóa dược	
14	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110354	Nguyễn Thanh Bình	24/03/2003		Hóa dược	
15	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104144	Đoàn Thị Mỹ Tuyên	16/04/2003	N	Hóa dược	
16	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104123	Đỗ Thị Huỳnh Như	10/05/2003	N	Hóa dược	
17	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104116	Nguyễn Thị Hoài Ngân	01/11/2003	N	Hóa dược	
18	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104098	Lê Ngọc Diệp	15/08/2003	N	Hóa dược	
19	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110369	Lê Mai Tuyết Nghi	17/06/2003	N	Hóa dược	
20	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110425	Huỳnh Nguyễn Tường Vi	20/08/2003	N	Hóa dược	
21	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110423	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/12/2003	N	Hóa dược	
22	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110421	Thạch Thị Mộng Trinh	24/12/2003	N	Hóa dược	
23	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110418	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	17/04/2003	N	Hóa dược	
24	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110416	Ngô Phương Thủy	01/01/2003	N	Hóa dược	
25	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110414	Võ Công Thành	28/07/2003		Hóa dược	
26	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110412	Nguyễn Thị Thu Quyên	10/03/2003	N	Hóa dược	
27	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110409	Lê Thị Tố Như	11/08/2003	N	Hóa dược	
28	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110398	Nguyễn Văn Khang Hy	16/09/2003		Hóa dược	
29	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104203	Trần Thị Thúy Vy	27/06/2003	N	Hóa dược	
30	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104201	Trần Thanh Vân	19/08/2003	N	Hóa dược	
31	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104198	Hồ Thị Kiều Trinh	06/03/2003	N	Hóa dược	
32	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104197	Bùi Ngọc Huyền Trân	20/08/2003	N	Hóa dược	
33	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104190	Lư Minh Thành	07/04/2003		Hóa dược	
34	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104184	Trần Ngọc Phụng	07/08/2003		Hóa dược	
35	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104157	Nguyễn Trường Giang	12/01/2003		Hóa dược	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
36	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104153	Dương Đình Cửa	16/11/2003		Hóa dược	
37	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110405	Nguyễn Hoàng Mill	26/11/2003		Hóa học	
38	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2003034	Nguyễn Khánh Vân	28/08/2002	N	Hóa học	
39	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B1905010	Lý Thị Quỳnh Nhi	12/07/2001	N	Hóa học	
40	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109457	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/01/2003	N	Hóa học	
41	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109454	Lê Anh Thảo	14/05/2003	N	Hóa học	
42	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109451	Nguyễn Trúc Phận	21/05/2003	N	Hóa học	
43	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109442	Nguyễn Thị Ánh Hồng	29/04/2003	N	Hóa học	
44	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109440	Trương Thị Như Hằng	11/10/2003	N	Hóa học	
45	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109437	Lê Ngọc Điệp	28/10/2003	N	Hóa học	
46	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109435	Nguyễn Ngọc Diễm	15/09/2003	N	Hóa học	
47	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109432	Hồ Tường Anh	16/02/2003	N	Hóa học	
48	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2107090	Nguyễn Thị Minh Thơ	10/02/2003	N	Hóa học	
49	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2107087	Lu Ngọc Hiền	22/03/2003	N	Hóa học	
50	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102564	Lê Thị Quỳnh Như	15/06/2003	N	Hóa học	
51	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102551	Đoàn Thị Trúc Linh	29/08/2003	N	Hóa học	
52	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102547	Lê Vũ Khanh	18/01/2003		Hóa học	
53	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102538	Trần Thuận Đàn	01/04/2003		Hóa học	
54	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102534	Vương Gia Bảo	04/09/2003		Hóa học	
55	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109429	Lê Quang Vinh	30/11/2003		Hóa học	
56	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109425	Nguyễn Thị Thủy Tiên	07/12/2003	N	Hóa học	
57	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109413	Bùi Thanh Long	03/07/2003		Hóa học	
58	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109410	Trần Thanh Kim Hòa	17/03/2003	N	Hóa học	
59	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109409	Lê Thành Hiệp	19/06/2003		Hóa học	
60	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2107084	Nguyễn Thị Kim Ngọc	20/02/2003	N	Hóa học	
61	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102528	Dương Thị Ngọc Xuyên	29/11/2003	N	Hóa học	
62	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102515	Bùi Minh Thi	25/05/2003	N	Hóa học	
63	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2102485	Lê Duy Khang	13/04/2003		Hóa học	
64	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2011095	Trương Thị Như Ý	17/07/2002	N	Hóa học	
65	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2011077	Bùi Yến Nhi	08/06/2002	N	Hóa học	
66	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2110001	Trần Thảo Vân	16/06/2003	N	Sinh học	
67	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109997	Tô Ngọc Bảo Trân	28/04/2003	N	Sinh học	
68	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109992	Lê Thị Bích Trân	08/03/2003	N	Sinh học	
69	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109985	Nguyễn Hữu Thoại	28/10/2003		Sinh học	
70	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109984	Phạm Phú Nhật Thanh	11/04/2003		Sinh học	
71	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109981	Nguyễn Trần Thảo Quyên	01/01/2003	N	Sinh học	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
72	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109974	Lê Thị Huỳnh Như	28/11/2003	N	Sinh học	
73	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109971	Trần Thị Xuân Nhi	15/11/2003	N	Sinh học	
74	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109970	Huỳnh Thảo Nhi	29/01/2003	N	Sinh học	
75	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109964	Lưu Huỳnh Kim Ngân	23/12/2003	N	Sinh học	
76	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109959	Nguyễn Hoàng Luân	24/12/2003		Sinh học	
77	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109957	Lê Thị Khánh Lan	25/10/2003	N	Sinh học	
78	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109950	Trần Quý Ngọc Huyền	10/09/2003	N	Sinh học	
79	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109949	Trần Trung Huy	15/12/2003		Sinh học	
80	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109944	Nguyễn Lê Duyên	02/10/2003	N	Sinh học	
81	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109943	Tô Hoàng Duy	21/03/2003		Sinh học	
82	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109941	Trần Thị Kim Chi	11/12/2003	N	Sinh học	
83	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103409	Mai Thị Diễm Trang	01/07/2003	N	Sinh học	
84	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103406	Trịnh Thanh Hoài Thương	21/05/2003		Sinh học	
85	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103404	Trương Hoàng Thơm	17/01/2003		Sinh học	
86	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103400	Phan Ngô Diễm Quỳnh	03/09/2003	N	Sinh học	
87	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103379	Huỳnh Kim Ngân	20/08/2003	N	Sinh học	
88	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103370	Trần Minh Kha	11/02/2003		Sinh học	
89	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2011948	Lê Lâm Hiếu Nghĩa	17/12/2002		Sinh học	
90	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2003706	Phan Thị Cẩm Ly	02/09/2002	N	Sinh học	
91	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109990	Diệp Kim Toàn	31/08/2003	N	Sinh học	
92	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B1906246	Trần Phương Linh	06/09/2001	N	Sinh học	
93	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109863	Nguyễn Hữu Thọ	14/12/2003		Toán ứng dụng	
94	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109862	Nguyễn Huỳnh Quốc Thái	28/11/2003		Toán ứng dụng	
95	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109858	Hà Thanh Sang	31/07/2003		Toán ứng dụng	
96	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109857	Lê Thị Ngọc Quyên	04/07/2003	N	Toán ứng dụng	
97	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109854	Mai Huỳnh Như	20/05/2003	N	Toán ứng dụng	
98	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109851	Huỳnh Minh Nhật	20/03/2003		Toán ứng dụng	
99	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109847	Trần Thị Tuyết Mộng	09/09/2003	N	Toán ứng dụng	
100	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109842	Thái Thị Mỹ Hồng	21/07/2003	N	Toán ứng dụng	
101	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109839	Đinh Nguyễn Như Hảo	24/03/2003	N	Toán ứng dụng	
102	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2109832	Huỳnh Thị Thúy An	02/04/2003	N	Toán ứng dụng	
103	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2107114	Cao Hoàng Thông	24/11/2003		Toán ứng dụng	
104	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103302	Lý Thị Thúy Vân	17/09/2003	N	Toán ứng dụng	
105	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103298	Nguyễn Thị Tú Trinh	22/03/2003	N	Toán ứng dụng	
106	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103286	Mai Quốc Thịnh	15/04/2000		Toán ứng dụng	
107	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103280	Huỳnh Lan Thanh	29/11/2003	N	Toán ứng dụng	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
108	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103276	Trương Thị Quyên	17/12/2002	N	Toán ứng dụng	
109	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103269	Tô Hoàng Phúc	13/04/2003		Toán ứng dụng	
110	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2103235	Bạch Ngô Ngọc Giàu	06/08/2003	N	Toán ứng dụng	
111	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B1906081	Nguyễn Minh Thư	18/11/2001	N	Toán ứng dụng	
112	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B1812757	Vũ Xuân Trường	09/08/2000		Vật lý kỹ thuật	
113	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111021	Ngô Đức Minh Quân	11/01/2003		Vật lý kỹ thuật	
114	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111018	Huỳnh Hoàng Phương	28/06/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
115	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111010	Trần Thanh Nguyên	19/06/2003		Vật lý kỹ thuật	
116	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111002	Nguyễn Minh Khang	27/08/2003		Vật lý kỹ thuật	
117	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104874	Nguyễn Thị Tú Quyên	02/12/2003	N	Vật lý kỹ thuật	
118	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104858	Nguyễn Đăng Khoa	30/03/2003		Vật lý kỹ thuật	
119	KH	1876/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104842	Nguyễn Cao Mộng Bình	05/07/2003		Vật lý kỹ thuật	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ